TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 20/5/2019
V/v "Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Mai Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Doanh và bà Phạm Thị Hoài.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Nhiệm - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2019 tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 114/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14A/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21 /2019/QĐHPT ngày 06 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Vương Thị Kim Th**, sinh năm: 1995.
ĐKHK: Số 3B Nguyễn Văn T, phường Quang Tr, thành phố HD, tỉnh HD.
Hiện cư trú: Nhà số 1, ngõ 78 An N, phường Quang Tr, thành phố HD, tỉnh HD.
(Chị Th có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: Anh **Lê Minh H**, sinh năm: 1985.
ĐKHKTT: Số 3B Nguyễn Văn T, phường Quang Tr, thành phố HD, tỉnh HD.
Hiện cư trú tại: Số 107B Chi L, phường Nguyễn Tr, thành phố HD, tỉnh HD.
(Anh H vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên toà, nguyên đơn chị Vương Thị Kim Th trình bày:

Chị và anh Lê Minh H được tự do tìm hiểu và sinh được một con chung là cháu Lê Hùng A, sinh ngày 08/3/2012. Tuy nhiên đến năm 2013 mới tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Bình H, thành phố HD, tỉnh

HD vào ngày 31/5/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng về ở tại số 3B Nguyễn Văn T, phường Quang Tr, thành phố HD, tỉnh HD. Đến cuối năm 2016, vợ chồng chuyển về nhà của bố mẹ anh H tại số nhà 15 ngách 8 ngõ 74 phố CĐ, phường Bình H, thành phố HD. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn: do tính tình vợ chồng không hợp, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, bản thân anh H sống thiếu trách nhiệm với vợ con, mải chơi không chí thú làm ăn dẫn đến kinh tế gia đình không tập trung, không quan tâm đến vợ con, cuộc sống vợ chồng lạnh nhạt, không chăm sóc, chia sẻ khi ốm đau và không thể nói chuyện được với nhau. Trước mâu thuẫn vợ chồng, gia đình hai bên đều biết và góp ý, khuyên giải nhưng anh H không thay đổi. Đến tháng 5/2018, chị và anh H đã sống ly thân mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Anh chị có một con chung là Lê Hùng A, sinh ngày 08/3/2012, hiện nay đang ở với anh H. Theo nguyện vọng của cháu Hùng A và của anh H chị nhất trí để anh H trực tiếp nuôi con chung, chị tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung: Chị Th xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị không có tài sản riêng. Vợ chồng không nợ chung và cho ai vay chung; công sức đóng góp với gia đình hai bên không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản của Tòa án cho anh H thông qua mẹ đẻ anh H là bà Quách Thị H1, bà H1 đều xác nhận đã giao lại các văn bản của Tòa án cho anh H đầy đủ; anh H đã biết Tòa án thụ lý, giải quyết việc chị Th xin ly hôn với anh, giải quyết về con chung, đã biết thời gian Tòa án triệu tập đến làm việc nhưng do công việc bận không thể có mặt tại Tòa án được. Anh H đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Quan điểm của anh H nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của chị Th và đề nghị được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Hùng A, yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H thời gian từ tháng 5/2019 đến khi con chung trưởng thành.

Theo bà H1, anh H và chị Th kết hôn vào ngày 31/5/2013, vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tình cảm vợ chồng không hòa hợp, kinh tế không tập chung dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau, cuộc sống không có hạnh phúc, đến nay đã sống ly thân mỗi người ở một nơi. Bà H1 xác định vợ chồng chị Th và anh H có 01 con chung là cháu Lê Hùng A sinh ngày 08/3/2012, hiện đang ở cùng anh H và gia đình bà. Về tài sản chung, bà trình bày: Anh H và chị Th không có tài sản chung, không có đóng góp công sức gì với vợ chồng bà.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại khu dân cư nơi anh H cư trú thể hiện: Anh H và con là Lê Hùng A hiện đang sống cùng bố mẹ đẻ là bà Quách Thị H1 và ông Lê Danh Th1 tại số 107B Chi L, phường Nguyễn Tr, thành phố HD. Chị Th không chung sống tại đó.

Tại phiên toà, chị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn anh Lê Minh H vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX), Thư ký là đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm HĐXX nghị án đối với nguyên đơn chị Th không có vi phạm, bị đơn anh H không chấp hành quy định của pháp luật.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án, đây là quan hệ tranh chấp ly hôn, nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thành phố Hải Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương đã cấp tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Lê Minh H theo đúng quy định tại khoản 5 Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa anh H vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên HĐXX xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng quy định pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX Áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị HĐXX: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vương Thị Kim Th.

Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Vương Thị Kim Th được ly hôn anh Lê Minh H;

Về con chung*:* Xử giao cháu Lê Hùng A, sinh ngày 08/3/2012 cho anh Lê Minh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, thời gian kể từ tháng 5 năm 2019 đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành. Chị Th tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng là 2.000.000đ/ tháng kể từ tháng 5/2019 đến

khi con trưởng thành. Chị Th được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở;

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Th xác định vợ chồng không có tài sản chung, vợ chồng không có nợ chung và không có công sức chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Vì vậy, không xem xét giải quyết;

Về án phí: buộc Chị Th phải chịu án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng. Chị Th phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000đ

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Vương Thị Kim Th có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương giải quyết việc hôn nhân của chị với anh Lê Minh H. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù anh H nhận được các văn bản tố tụng thông qua mẹ anh H là bà Quách Thị H1 nhưng tại phiên tòa anh H vẫn vắng mặt hai lần không có lý do nên HĐXX quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh H là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ vợ chồng: Chị Vương Thị Kim Th và anh Lê Minh H được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Nguyễn Tr, thành phố HD, tỉnh HD vào ngày 31/5/2013 là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống chung của anh, chị hạnh phúc khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không tập trung kinh tế, không tìm được tiếng nói chung, không có sự quan tâm, chia sẻ đối với nhau, vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi. Tòa án triệu tập anh H nhiều lần, anh H đã biết việc Tòa án triệu tập nhưng không đến Tòa án làm việc, điều đó thể hiện anh không có thiện chí mong muốn vợ chồng đoàn tụ và không còn tình cảm với chị Th. Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn của chị Th và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị Th xin ly hôn anh H là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

Về quan hệ con chung: vợ chồng có một con chung là cháu Lê Hùng A, sinh ngày 08/3/2012, hiện đang ở với anh H. Sau ly hôn, anh H có nguyện vọng

đề nghị Tòa án cho anh được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và yêu cầu chị Th cấp dưỡng tiền nuôi con chung, chị Th tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh H mỗi tháng là 2.000.000đồng. Xét nguyện vọng của các bên là chính đáng và đảm bảo quyền lợi của con nên được chấp nhận. Chị Th được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản chung: Chị Th trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; vợ chồng không nợ chung và cho ai vay chung; công sức đóng góp với gia đình hai bên không có. Chị Th trình bày chị không có tài sản riêng nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Th xin ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật và phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357 Bộ luật dân sự; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ vợ chồng*:* Xử cho chị Vương Thị Kim Th được ly hôn anh Lê Minh H.

[2] Về quan hệ con chung: Xử giao cho anh Lê Minh H nuôi dưỡng con chung là Lê Hùng A, sinh ngày 08/3/2012, thời gian kể từ tháng 5 năm 2019 đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành. Chị Th tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh H hàng tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng chẵn) /tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 5 năm 2019 đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Chị Vương Thị Kim Th được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày anh H có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu chị Th chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 1 Điều 357 BLDS. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thoả thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thoả thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí: Chị Vương Thị Kim Th phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/005872 ngày 01/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương. Chị Vương Thị Kim Th còn phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng chẵn) án phí cấp dưỡng nuôi con chung (Chị Th chưa nộp).

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị Th, vắng mặt anh H. Chị Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án,quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Hải Dương;
- Những ng- ời tham gia tố tụng;
- UBND phường BH (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Chi cục THADS TP Hải Dương;
- L- u hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Mai Hoa